TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 08/2019/DS - PT Ngày 15 - 5 - 2019 *V/v: "Tranh chấp kiện đòi lại quyền sử dụng đất"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Minh Quán.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Khoa;

Ông Phạm Ngọc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 04/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2019/QĐ-PT ngày 01/3/2019 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Bà Má Thị N.

Nơi cư trú: Tổ 11b, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ma Ngọc Mạnh L;

Địa chỉ: Tổ 3b, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai, *(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 27/11/2017)*. (Có mặt).

***2. Bị đơn*:** Ông Hạng A S (Hạng A X).

Nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T.

Địa chỉ tạm trú: Số 26 Khu tập thể T, ngách 74 ngõ 58 phố Nguyễn Khánh T, phường Q, quận C, Thành phố Hà Nội *(Theo Giấy ủy quyền ngày 25/02/2019)*. (Có mặt).

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*****:** Bà Sùng Thị D (là vợ ông Hạng A S);

Nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Hạng A S (Hạng A X) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Sùng Thị D.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

5. Người phiên dịch: Ông Giàng A P – Trú tại Tổ 15, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Má Thị N trình bày: Khoảng năm 2002, bà có nhờ ông Thào A P mua gom đất của một số hộ dân tại thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai. Tổng diện tích đất mua gom được khoảng 06 ha (thửa đất thuộc tổ 9C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai). Năm 2008, bà thuê một số người dân đào hào để phân định ranh giới. Khi đào hào có có sự chứng kiến của anh S (X) và ông Hạng A T (bố đẻ anh S) cùng các hộ dân có đất liền kề với đất của bà.

Sau khi đào hào xong thì bà trồng tre và trồng cây chè trên đất. Năm 2011 bà xin dự án 661 được khoảng 5000 cây gồm cây thông, cây lát về trồng.Việc trồng cây trên đất bà thuê anh Thào A G, anh G lại đi thuê một số người cùng trồng.

Khoảng cuối năm 2015, anh Hạng A S (X) đến phá cây cối và đầu năm 2016 mang ngô đến trồng vào đất của bà. Diện tích đất anh S (X) lấn chiếm của bà khoảng 3000m2. Bà đã nhiều lần yêu cầu anh S (X) chấm dứt việc tranh chấp nhưng anh S (X) không đồng ý. Đầu năm 2017, anh S (X) đã dựng căn nhà nhỏ trên đất của bà.

Việc tranh chấp này đã được UBND thị trấn S hòa giải theo quy định nhưng anh S (X) vẫn không trả lại đất cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh S (X) phải tháo rỡ, di dời toàn bộ tài sản trả cho bà thửa đất khoảng 3000m2 tại tổ 9c, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn anh Hạng A S (X) trình bày: Nguồn gốc thửa đất hiện đang tranh chấp với bà N là của bố mẹ anh khai phá để lại cho anh canh tác từ năm 1995. Đất chưa được cấp GCNQSD đất. Do không đo đạc nên anh cũng không biết

diện tích là bao nhiêu m2. Sau khi được cho đất thì anh cho ông Hạng A S cùng thôn mượn lại làm 2 vụ năm 1995 – 1996, năm 1997 thì anh lấy lại để khai ruộng nhưng do không có nước nên anh chuyển sang trồng ngô.

Năm 2008, anh thấy bà N vào làm tại thửa đất này, anh hỏi thì bà Nbảo mua của ông S, lúc này bà N đã trồng 2 cây tre trên đất. Bà N còn nói đất không phải của ông S thì bà không mua nữa và dịch chuyển 2 cây tre đi trồng chỗ khác cách khoảng 2m, khi đó khu đất này bà N chưa đào hào. Khoảng tuần sau anh đi Lai Châu về thì thấy bà N đã đào hào xong, xung quanh đất trong đó có cả khu đất tranh chấp, anh đi báo trưởng thôn. Trưởng thôn gọi ông S thì ông S bảo chưa bán cho ai. Anh gọi ông P thì ông P bảo đất của anh thì anh cứ làm nên anh đã đi lấp phần hào bà N đào phía trên, còn xung quanh thì chưa lấp.

Sau khi lấp hào xong thì anh vẫn canh tác cho đến năm 2015, bà N vào nhà anh đòi đất, anh không đồng ý trả. Năm 2017, anh có dựng trên đất tranh chấp 01 căn nhà gỗ lợp tôn đỏ. Nay bà N khởi kiện yêu cầu anh phải trả đất cho bà N, anh S (X) không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Sùng Thị D đồng ý với việc anh Hạng A S (X) trình bày ở trên và chị cũng không nhất trí trả lại đất cho bà N.

Bản án số 13/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sa Pa đã quyết định:

Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 166 – Bộ Luật dân sự; khoản 1, Khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 235; Điều 147; khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Má Thị N: Buộc anh Hạng A S (X) và chị Sùng Thị D phải tháo rỡ 01 nhà gỗ tạm, diện tích sử dụng khoảng 09m2, cột gỗ, vách đóng bằng gỗ tạp, mái lợp tôn, nền đất và hàng rào lưới sắt B40, di dời 100 cây đào nhỏ trên đất tranh chấp trả lại cho bà Má Thị N thửa đất diện tích 2826,8m2 thuộc loại đất trồng cây hàng năm khác, vị trí thửa đất tại tổ 9C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Thửa đất có tứ cận như sau: Phía Tây Bắc giáp đất ông Hạng A Tính; Phía Đông Nam giáp đất anh P; Phía Đông Bắc giáp đường mòn; Phía Tây Nam giáp đất bà N *(Có sơ đồ kèm theo)*.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/12/2018, bị đơn ông Hạng A S (X) và người liên quan bà Sùng Thị D kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm;

Ngày 11/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Pa có kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Má Thị N.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Hạng A S (X) và bà Sùng Thị D thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Má Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Pa và phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Khoản 01 Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Chấp nhận kháng cáo của ông Hạng A S (X), bà Sùng Thị D và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Pa, sửa bản án sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sa Pa theo hướng: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Má Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Khoảng năm 2002, bà Má Thị N có nhờ ông Thào A P mua gom đất của một số hộ dân tại Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai khoảng 06 ha (thửa đất thuộc tổ 9C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai). Việc mua bán có sự chứng kiến của trưởng thôn S và chứng nhận của UBND xã S, huyện S. Năm 2008, bà N đã thuê người dân đào hào để phân định ranh giới. Khi đào hào có có sự chứng kiến của anh S và ông Hạng A T (bố đẻ anh S) cùng các hộ dân có đất liền kề. Sau đó bà N đã trồng tre, cây chè trên đất, năm 2011 bà xin dự án 661 được khoảng 5000 cây gồm cây thông, cây lát và thuê anh Thào A G trồng.

Cuối năm 2015, anh Hạng A S (X) đến tranh chấp và cho rằng đất của của bố mẹ anh S (X) khai phá để lại cho anh canh tác từ năm 1995. Anh S (X) đã phá cây cối của bà N đã trồng và anh đã trồng ngô, cây đào vào diện tích đất tranh chấp. Bà N đã nhiều lần yêu cầu anh S (X) chấm dứt việc tranh chấp

nhưng anh S (X) không đồng ý. Đầu năm 2017, anh S (X) đã dựng căn nhà nhỏ trên đất tranh chấp.

Việc tranh chấp này đã được UBND thị trấn S hòa giải theo quy định nhưng không thành. Vì vậy bà Nguyên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh S (X) phải tháo rỡ, di dời toàn bộ tài sản trả cho bà thửa đất.

Diện tích đất tranh chấp theo sơ đồ thẩm định của Tòa án nhân dân huyện Sa Pa là 2826,8m2 (Theo thẩm định của Tòa án nhân dân tỉnh ngày 12/4/2019 là 3.355,0 m2), thuộc loại đất đất trồng cây hàng năm, chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

Bản án số 13/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sa Pa đã xử buộc Buộc anh Hạng A S (X) và chị Sùng Thị D phải tháo rỡ 01 nhà gỗ tạm, diện tích sử dụng khoảng 09m2, cột gỗ, vách đóng bằng gỗ tạp, mái lợp tôn, nền đất và hàng rào lưới sắt B40, di dời 100 cây đào nhỏ trên đất tranh chấp trả lại cho bà Má Thị N thửa đất diện tích 2826,8m2 (theo sơ đồ thẩm định của Tòa án nhân dân huyện Sa Pa) thuộc loại đất trồng cây hàng năm khác, vị trí thửa đất tại tổ 9C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai.

[2] Xét kháng cáo của ông Hạng A S (X), bà Sùng Thị D và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Pa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại hồ sơ vụ án năm 2002, bà Má Thị N nhận chuyển nhượng đất vườn rừng của anh Thào A P và chị Hạng Thị B diện tích đất 6 ha tại Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai có vị trí: Phía đông giáp nhà ông D; phía tây giáp đất vườn rừng nhà ông P; Phía nam giáp đất vườn rừng nhà ông S; phía bắc giáp đường mòn đi vào nhà ông P, D. Giá chuyển nhượng là 50.000.000đồng; Nguồn gốc lô đất là do ông P nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Hạng A D và vợ Sùng Thị V, ông Hạng A S, Hạng A L, Hạng A V đều là người cùng thôn S, việc mua bán có giấy viết tay, có vẽ sơ đồ thủ công (vẽ tay) ngày 01/11/2002. Việc chuyển nhượng được chính quyền địa phương (Thôn và xã) xác nhận. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà Nguyên đã thuê người đào hào để xác định ranh giới, trồng cây… mà không có tranh chấp gì với bất kỳ ai. Năm 2011, bà Má Thị N còn được Ban quản lý rừng phòng hộ huyện S giao khoán đất theo Biên bản giao khoán ngày 10/10/2011 (BL 148). Chỉ đến năm 2015, ông Hạng A S (X) đã đến tranh chấp, chiếm giữ và cho rằng đất đó là do bố của ông là ông Hạng A T cho ông.

Năm 2011, Ban dự án Resort cao cấp điện lực tiến hành giải phóng mặt bằng công trình dự án Resort cao cấp điện lực, bà N là người kê khai với Ban dự án Resort cao cấp điện lực vào tháng 11/ 2011 đối với toàn bộ diện tích đất tranh chấp trên, nhưng khi đó ông Hạng A S (X) không có ý kiến gì.

Tại công văn số 137/UBND – ĐC ngày 16/7/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn S, thể hiện: Diện tích đất tranh chấp giữa bà Má Thị N và ông Hạng A S, qua kiểm tra tại sổ mục kê, số địa chính, số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân thị trấn S không được ông Hạng A S, Hạng A T hay ông Hạng A S kê khai với chính quyền địa phương và cũng không có tên trong các văn bản lưu trữ tại UBND thị trấn S.

Tại công văn số 686/UBND TNMT ngày 05/04/2018 của Ủy ban nhân dân huyện S thể hiện: Diện tích đất 2.826.8m^2 tranh chấp giữa bà Má Thị N và ông Hạng A S nằm trong vùng quy hoạch dự án khu đô thị Đ huyện S, được phê duyệt tại Quyết định số 4142/QĐ – UBND ngày 22/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và Ủy ban nhân dân huyện S đã ra thông báo thu đất tại thông báo số 138/TB – UBND ngày 11/5/2017.

Theo Lời khai của những người làm chứng bao gồm:

- Ông Hạng N khai: Khi bà N thuê đào hào xung quanh đất của bà Nmua, anh Hạng A S cũng biết nhưng anh S không có ý kiến gì. Ông cho biết anh S không có đất ở đó mà chỉ có ông T bố anh S có đất ở giáp đất bà N, ông cũng khẳng định mảnh đất tranh chấp trước kia là ông Hạng A S canh tác còn việc mua bán như thế nào thì ông không biết.

- Ông Thào A P khai: Từ năm 2000 - 2002 ông có mua hộ đất cho bà N của các hộ dân gồm: Hạng A D, Hạng A L, Hạng A V, Hạng A S và ông khẳng định phần đất tranh chấp trên là ông mua của ông S và bán lại cho bà N, khi mua của ông S, đất tiếp giáp với đất ông S, ông T, ông K và ông P (BL 115-116).

- Ông Hạng A K cho rằng: Nguồn gốc đất tranh chấp là đất ông S mượn đất của ông T, bố anh S và đã trồng ngô được 01 năm không làm nữa, sau đó anh S phát cỏ trồng ngô được khoảng 02 năm thì bỏ hoang không có ai làm, sau này xảy ra tranh chấp với bà N anh S mới tiếp tục làm.

- Bà Lý Thị X khai: Mảnh đất tranh chấp giữa bà N và ông S nằm trong diện tích đất của gia đình bà được nhà nước giao quản lý và sử dụng, sau đó giữa bà và bà N có tranh chấp với nhau và bà đã cho bà N để bà N giữ đất không cho người khác xâm lấn.

- Ông Hạng A D khai: Mảnh đất tranh chấp trên là đất bà N đã mua lại của ông S, ông S có canh tác trên mảnh đất này được khoảng 03 năm sau đó bỏ không làm nữa sau đó ông S bán cho bà N. Mảnh đất này trước đó không có ai làm. Năm 2008 bà N có thuê ông và một số hộ dân trồng tre theo mốc giới bà N chỉ, khi đó ông T và anh S (X) có biết và yêu cầu bà N trồng dịch vào đất của bà N khoảng từ 01 đến 02m. Khi bà N cho người đào hào ông T và anh S cũng yêu cầu đào dịch vào đất của bà N 01 đến 2m nên hiện tại đất của bà N phía giáp đất

nhà ông T bị cong do đào hào ông Hạng A T và anh Hạng A S yêu cầu đào dịch vào.

- Ông Thào A G khai: Khoảng năm 2009 – 2010 bà N có thuê ông và một số người trồng cây trên đất của bà N, ông được biết mảnh đất này bà N đã mua của ông Hạng A S, một mặt giáp với đất của ông T, một mặt giáp với đất nhà P, một mặt giáp đường kiểm lâm, diện tích bà N thuê ông trồng cây khoảng 3000m và ông khẳng định mảnh đất tranh chấp trên là mảnh đất bà N đã thuê ông trồng cây.

Ông Hạng A S là anh em họ (Con chú, con bác) của anh Hạng A S khẳng định có bán đất cho ông Thào A P nhưng không nhớ cụ thể, anh S xác định đất anh bán nằm ở phía bên dưới đường mòn, một mặt giáp đường mòn. Đồng thời anh khẳng định trước đây anh có mượn đất của anh S để canh tác nhưng là đất nằm ở phía dưới đường mòn (BL113 - 115).

Theo kết quả thẩm định ngày 12/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xác định diện tích tranh chấp là 3.355,0m2, và diện tích đất này nằm toàn bộ ở phía bên trên đường mòn (đường đất, tính từ dưới chân đồi đi lên đỉnh đồi) và có tứ cận: Phía Tây giáp đất ông Hạng A T; Phía Đông Bắc giáp đường mòn dân sinh; Phía Đông giáp đất ông P; Phía Nam giáp đất bà Má Thị N *(Có sơ đồ kèm theo)*

Từ những chứng cứ nêu trên xét thấy toàn bộ diện tích đất tranh chấp giữa bà Má Thị N và gia đình ông Hạng A S (X) không phải là đất của ông Hạng A S (X) mà là đất của bà Má Thị N mua của ông Thào A P, cấp sơ thẩm xử buộc ông Hạng A S (X) và bà Sùng Thị D phải trả lại đất cho bà N là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Ông Hạng A S (X), bà Sùng Thị D kháng cáo cũng như Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Pa kháng nghị nhưng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh diện tích đất tranh chấp là của ông Hạng A S (X) và bà Sùng Thị D.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông Hạng A S (X), bà Sùng Thị D và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Pa là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Về án phí: Ông Hạng A S (X), bà Sùng Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hạng A S (X), bà Sùng Thị D và kháng nghị của VKSND huyện Sa Pa, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai như sau:

Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 166 Bộ Luật dân sự; khoản 1, Khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 235; Điều 147; khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Má Thị N: Buộc ông Hạng A S (X) và bà Sùng Thị D phải tháo rỡ 01 nhà gỗ tạm, diện tích sử dụng khoảng 09m2, cột gỗ, vách đóng bằng gỗ tạp, mái lợp tôn, nền đất và hàng rào lưới sắt B40, di dời 100 cây đào nhỏ trên đất tranh chấp trả lại cho bà Má Thị N thửa đất diện tích 3.355,0m2 thuộc loại đất trồng cây hàng năm khác, vị trí thửa đất tại tổ 9C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Thửa đất có tứ cận như sau: Phía Tây giáp đất ông Hạng A T; Phía Đông Bắc giáp đường mòn dân sinh; Phía Đông giáp đất ông P; Phía Nam giáp đất bà Má Thị N (Có sở đồ kèm theo)

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Hạng A S (X) và bà Sùng Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm

Bà Má Thị N không phải chịu án phí, được hoàn trả số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Pa theo biên lai số 0000736 ngày 28/11/2017.

3. Về án phí phúc thẩm: Buộc ông Hạng A S (X) và bà Sùng Thị D mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào khoản tiền 600.000 đồng ông bà đã nộp theo các biên lai số 0000874 ngày 13/12/2018 và số 07551 ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Pa.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Má Thị N phải chịu 7.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định. Xác nhận bà Má Thị N đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện Sa Pa;
- Chi cục THADS huyện Sa Pa;
- Cục thi THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Minh Quán